

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐĐT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		BK20+BK14	10:15	4+14	0+0		3+15	0+0	
2		BK9+CTK3	10:15	7+11	0+0		7+12	0+0	
3		CTK3+RP3	12:00	10+0	0+0		9+10	0+0	
4		CNV+TD1+BK6	12:00	7+2+0	0+0+0		7+6+5	0+0+0	
5		GTCl+CTK3	14:00	2+8	0+0		0+19	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ Đi về trong ngày ctk3-2ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2025		TO: BK20 - BK14		AIRCRAFT: 618				ETD: 11:00		
FLIGHT: 01		FROM: VT		CREW: HLONG - VUÔNG				ETA: 12:50		
CAM-2										
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TRÍ CHUNG	BK20	17	1	6	1	20	56	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN ĐÌNH QUYẾT	BK20	21-22	2	11			69	KH-THAC	Vietnamese
3	VŨ TRUNG KIẾN	BK20	19-20	2	20			77	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN THANH SƠN	BK20	18	1	6			72	PSV	Vietnamese
5	ĐÌNH CHI CÔNG	BK14	88	1	13			66	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	BK14	98	1	5			85	KHOAN	Vietnamese
7	BÙI MẠNH PHÚC	BK14	97	1	6			75	KHOAN	Vietnamese
8	HOANG NGỌC TUNG	BK14	600,03	2	7	2	25	71	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN ĐỨC CUÔNG	BK14						84	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN ANH ĐỨC	BK14	99	1	6			67	KH-THAC	Vietnamese
11	TRẦN NGUYỄN GIA KINH	BK14	92-93	2	14			76	KH-THAC	Vietnamese
12	VŨ ĐÌNH HUY	BK14	02	1	6			61	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HOÀNG (21488)	BK14	89	1	9			89	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN BÌNH	BK14	95	1	5			71	KH-THAC	Vietnamese
15	LÊ NGUYỄN HOANG LONG	BK14	01	1	16			97	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ QUANG ĐẠO	BK14	90-91	2	17			78	KH-THAC	Vietnamese
17	PHẠM NGỌC NINH	BK14	96	1	6			79	PSV	Vietnamese
18	TRẦN VĂN HỮU	BK14	94	1	6			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK20	4	274	6	43	1	20	3		
2	BK14	14	1.061	16	116	2	25	15		
TOTAL		18	1.335	22	159	3	45	18		
WEIGHT KG			1.335		159		45			

GRAND TOAL: 1.539 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

Fuel: 1500 kg (Linh)



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2025	TO: BK9 - CTK3	AIRCRAFT: 619	ETD: 10:00
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - MINH	ETA: 11:50
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	CAO VĂN KHA KHA	BK9	23	1	7			83	KH-THAC	Vietnamese
2	TRẦN NGỌC HIỆP	BK9	21	1	6			68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TUẤN	BK9	22	1	3	2	30	72	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	BK9	24-25	2	18			87	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ VĂN CUÔNG	BK9	17	1	9	1	22	65	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ANH TUẤN	BK9	19-20	2	19			79	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẦN TIẾN CUÔNG	BK9	56	1	5			59	PSV	Vietnamese
8	NGUYỄN NINH BÌNH	CTK3	92-93	2	12			71	WOGC	Vietnamese
9	BUI NGỌC HUY	CTK3				2	25	76	TEKA	Vietnamese
10	VŨ VĂN MẠNH	CTK3						80	KH-THAC	Vietnamese
11	ĐOÀN QUANG CHUNG	CTK3	89-90	2	6			74	KH-THAC	Vietnamese
12	BUI KHẮC PHONG	CTK3	87-88	2	15			77	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TRỌNG KIM	CTK3	99	1	5			66	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN TRỌNG HAI	CTK3	95	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
15	HÀ MINH GIANG	CTK3	400	1	6			75	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN NGỌC TƯỜNG	CTK3	96,98	2	8	1	7	63	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN DANH TUẤN	CTK3	94	1	5			60	KH-THAC	Vietnamese
18	PHẠM ĐỨC KIỂM	CTK3	91	1	8			74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	BK9	7	513	9	67	3	52	7		
2	CTK3	11	791	13	70	3	32	12		
TOTAL		18	1.304	22	137	6	84	19		
WEIGHT KG			1.304		137		84			

GRAND TOAL: 1.525 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/01/2025	TO: CTK3 - RP3	AIRCRAFT: 619	ETD: 12:40
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: LTUÂN - VLINH	ETA: 14:30
VANG-2			

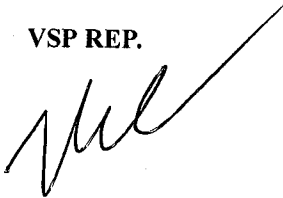
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	TRẦN DÂN	CTK3	73	1	13			76	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN TRẦN ĐỨC MINH	CTK3	82-83	2	16			82	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN ĐỨC HANH	CTK3	77	1	6			82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN HOANG LAM	CTK3	78	1	8			68	KH-THAC	Vietnamese
5	PHẠM THANH QUANG	CTK3	79	1	4			76	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HUY HOANG (12556)	CTK3						86	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ CANH HUNG	CTK3	84	1	7			67	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG THIỆU THANH	CTK3	80	1	5			80	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SỸ LONG	CTK3	76	1	8	3	33	82	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN QUYẾT THĂNG	CTK3	81	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTK3	10	771	10	75	3	33	9		
2	RP3	0	0	0	0	5	65	10		
TOTAL		10	771	10	75	8	98	19		
WEIGHT KG			771		75		98			

GRAND TOAL: 944 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2025	TO: CNV - TD1 - BK6	AIRCRAFT: 618	ETD: 13:20
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: HLONG - VUONG	ETA: 15:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐỖ QUỐC TÙNG	CNV	30-31	2	15			83	KH-THAC	Vietnamese
2	BUI VAN THAI	CNV	33-34	2	14			66	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TRỌNG VỌ	CNV	32	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYEN VAN ĐOÀN	CNV	27	1	4			48	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN HAO	CNV	28	1	6	4	75	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN ĐỨC THANH	CNV	29	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN VAN SA	CNV	26	1	5			66	PSV	Vietnamese
8	VU THE HUNG	TD1	82	1	12			66	KHOAN	Vietnamese
9	LÊ HỮU HÙNG	TD1	81	1	14			75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CNV	7	469	9	58	4	75	7		
2	TD1	2	141	2	26	0	0	6		
3	BK6	0	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		9	610	11	84	4	75	18		
WEIGHT KG			610		84		75			

GRAND TOAL: 769 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/01/2025	TO: SAVR - GTC1 - CTK3	AIRCRAFT: 619	ETD: 15:00
FLIGHT: 05	FROM: VT	CREW: LTUÂN - <i>V.Linh</i>	ETA: 16:50
HONG-4			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ VĂN TÂN	GTC1	38	1	10			64	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒ QUANG	GTC1	37	1	11	1	15	60	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM QUANG THAI	CTK3	62	1	6			88	KH-THAC	Vietnamese
4	HOANG ĐÌNH SÂM	CTK3	65	1	9	1	12	83	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN HỒNG ANH	CTK3	63	1	6			54	KH-THAC	Vietnamese
6	CU XUÂN HUY	CTK3	69	1	12			64	HVJOC	Vietnamese
7	NGO HUNG HAI	CTK3	70-71	2	17			74	ANTOAN	Vietnamese
8	PHẠM XUÂN HOÀ	CTK3	64	1	7			76	YTE	Vietnamese
9	HỒ QUANG HIỆP	CTK3	67-68	2	11			64	DK9	Vietnamese
10	BUI SONG TOAN	CTK3	66	1	8			76	DK9	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	SAVR	0	0	0	0	0	0	1		
2	GTC1	2	124	2	21	1	15	0		
3	CTK3	8	579	10	76	1	12	18		
TOTAL		10	703	12	97	2	27	19		
WEIGHT KG			703		97		27			

GRAND TOAL: 827 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 15/01/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RP2+CLO	7:25	16+0	0+0		16+3	0+0	
2		RC3+TD5	7:25	6+0	0+0		11+8	0+0	
3		RP2+RP3	9:25	10+0	0+0		4+15	0+0	
4		RC10+RP2	11:25	4+6	0+0		4+15	0+0	
5		CTC1	11:25	8	0		19	0	

TTPĐSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2025	TO: RP2 - CLO	AIRCRAFT: 619	ETD: 07:35
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: MMINH - TRƯỜNG	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	KHALIMOV A	RP2	01	1	16			96	KH-THAC	Russian
2	ĐINH XUÂN GIANG	RP2	10	1	5			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAN TÂN TÀI	RP2	07	1	6			72	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN NGỌC CHÍNH	RP2	14-15	2	8			74	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN CÔNG HOÀNG	RP2	02	1	12			65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN HÙNG CUÔNG	RP2	19-20	2	10			88	KH-THAC	Vietnamese
7	TRẦN VĂN KHƯƠNG	RP2	13	1	9			79	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN DUY HÙNG	RP2	09	1	4			68	KH-THAC	Vietnamese
9	LƯU VĂN ĐIỀN	RP2	03	1	8			75	KH-THAC	Vietnamese
10	TUÔNG ANH CẠC	RP2	05	1	8			61	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN HỒNG QUANG	RP2	08	1	4			66	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN THIỆN PHƯỚC	RP2	12	1	8			72	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ ĐỨC CUÔNG	RP2	06	1	4			83	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM XUÂN KHOA	RP2	11	1	14			67	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG TÂN	RP2	16-18	3	13			67	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐỨC LONG	RP2	04	1	14			57	KH-THAC	Vietnamese
17	LE THANH THAI	CLO	08	1	13			93	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	16	1.165	20	143	0	0	16		
2	CLO	1	93	1	13	0	0	3		
TOTAL		17	1.258	21	156	0	0	19		
WEIGHT KG			1.258		156		0			

GRAND TOAL: 1.414 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2025	TO: RC3 - TD5	AIRCRAFT: 616	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: ATUẤN - NKHÁNH	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU LÊ TRUNG	RC3	95	1	2			67	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM TRỌNG ĐẠI	RC3	45	1	11	2	27	58	KH-THAC	Vietnamese
3	NGO KHANH NAM	RC3	93	1	6	3	60	79	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAN HAI VIỆT	RC3	27-28	2	22			92	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN TRỌNG KHOA	RC3	94	1	7			73	KH-THAC	Vietnamese
6	VU NGOC HUNG	RC3	26	1	5			62	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	6	431	7	53	5	87	11		
2	TD5	0	0	0	0	0	0	8		
TOTAL		6	431	7	53	5	87	19		
WEIGHT KG			431		53		87			

GRAND TOAL: 571 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2025	TO: RP2 - RP3	AIRCRAFT: 619	ETD: 09:55
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: MMINH - TRƯỜNG	ETA: 11:45
xanh - 2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	VU HUU QUAN	RP2	99	1	5			61	KH-THAC	Vietnamese
2	HOANG TUAN CUONG	RP2	94	1	8			73	KH-THAC	Vietnamese
3	VO HOANG CAM	RP2	67	1	5			63	KH-THAC	Vietnamese
4	LE LAM	RP2	98	1	6			71	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN XUAN HAI	RP2	90	1	6			66	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN VIET NHUONG	RP2	68	1	5			58	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN QUANG VINH	RP2	95	1	7			68	KH-THAC	Vietnamese
8	LE VIET TRUONG	RP2	96	1	5			65	KH-THAC	Vietnamese
9	LUONG NGOC THANH	RP2	66	1	8			96	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN DUC NGUYEN	RP2	97	1	8			62	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP2	10	683	10	63	0	0	4		
2	RP3	0	0	0	0	6	100	15		
TOTAL		10	683	10	63	6	100	19		
WEIGHT KG			683		63		100			

GRAND TOAL: 846 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2025	TO: RC10 - RP2	AIRCRAFT: 619	ETD: 13:45
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: TRƯỜNG - VƯƠNG	ETA: 15:35
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	BUI ANH SON	RC10	74	1	4			70	KH-THAC	Vietnamese
2	TA VAN VIET	RC10	73	1	10			75	KH-THAC	Vietnamese
3	PHAM TRUNG KIEN	RC10						70	KH-THAC	Vietnamese
4	BUI DUC KHANH	RC10	75	1	5	2	40	53	PSV	Vietnamese
5	BUI KHAC HOANG	RP2	71-72	2	12			58	YTE	Vietnamese
6	NGUYEN QUANG TAN	RP2	70	1	3			58	PSV	Vietnamese
7	LE MANH HUNG	RP2	38	1	4			74	PSV	Vietnamese
8	HOANG VIET ANH	RP2	37	1	7			66	PSV	Vietnamese
9	VO VAN TUAN TU	RP2	73	1	6			70	PSV	Vietnamese
10	PHAM VAN HOANG	RP2	69	1	3			63	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC10	4	268	3	19	2	40	4		
2	RP2	6	389	7	35	0	0	15		
TOTAL		10	657	10	54	2	40	19		
WEIGHT KG			657		54		40			

GRAND TOAL: 751 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 15/01/2025	TO: CTC1	AIRCRAFT: 616	ETD: 12:15
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: ATUÂN - NKHÁNH	ETA: 14:05
CAM-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	LÊ ANH VŨ	CTC1	40	1	15	3	50	77	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN VĂN LY	CTC1	79	1	10			81	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN TIẾN THỨC	CTC1	39	1	4			80	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯƠNG XUÂN THANH	CTC1	41	1	5			79	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HOANG LONG	CTC1	42	1	12	1	18	82	KH-THAC	Vietnamese
6	TRẦN TRỌNG MẠNH	CTC1	96	1	7			57	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SI HIEU	CTC1	58	1	80			63	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN VĂN VIỆT (1991)	CTC1	35-36	2	12			66	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	CTC1	8	585	9	145	4	68	19		
TOTAL		8	585	9	145	4	68	19		
WEIGHT KG			585		145		68			

GRAND TOAL: 798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

1300 kg C.